TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Nghiêm.
2. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982. (Có mặt)
Địa chỉ: Khu vực L, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn T, sinh năm 1985. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu vực S, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2017 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Vào năm 2015, chị và anh Trần Văn T sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới Long, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ vào ngày 08/12/2015.

Cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn vào đầu năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mẹ chồng khó khăn nhưng anh T không quan tâm chia sẻ với chị. Chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã ly thân từ tháng 5 năm 2016 đến nay. Trong suốt thời gian ly thân, anh chị đã không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn anh Trần Văn T để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới Long, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ vào ngày 08/12/2015 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, chị Đ anh T phát sinh mâu thuẫn, chị Đ có đơn khởi kiện nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử

vắng mặt anh T theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh T chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2015, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do công việc của chị là giáo viên mầm non nên chị hay đi sớm về muộn, mẹ chồng không đồng ý và hay trách móc chị. Anh T chẳng những không quan tâm chia sẻ với chị mà anh T còn nhiều lần đứng về phía mẹ chồng chỉ trích chị và yêu cầu chị bỏ công việc hiện nay. Ngoài ra, anh T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Nay chị không còn tình cảm gì với anh T nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Về phía anh T, quá trình giải quyết Tòa án đã thực hiện việc triệu tập hợp lệ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự để anh T có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị Đ. Tuy nhiên anh T nhiều lần vắng mặt không lý do, cho thấy bị đơn không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị Đ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do vụ án xét xử vắng mặt bị đơn nên ở góc độ này chỉ ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về việc không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu số 001338 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí (công nhận chị Đ đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế